

Số: 92/NQ-HĐKĐCL

Hà Nội, ngày 30 tháng 8 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1257/QĐ-KĐCL ngày 05/12/2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy định về hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 647/QĐ-KĐCL ngày 06/8/2024 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc tổ chức Phiên họp XXIX của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 648/QĐ-KĐCL ngày 06/8/2024 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc thành lập các Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục Phiên XXIX;

Căn cứ kết quả nghiên cứu Hồ sơ tự đánh giá Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam, Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài, Báo cáo thẩm định của Tiểu ban chuyên môn và các tài liệu liên quan;

Căn cứ kết quả trao đổi, thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Nghị quyết tại Phiên họp XXIX ngày 29/8/2024 của Hội đồng.

QUYẾT NGHỊ:

1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh (sau đây gọi là Chương trình đào tạo) của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài. Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo theo đúng quy định hiện hành. Kết quả đánh giá phản ánh đúng hiện trạng của Chương trình đào tạo và đã được Nhà trường đồng thuận.

Thẩm định kết quả đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo cho thấy số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” là 47 tiêu chí (trong tổng số 50 tiêu chí), chiếm 94%, trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” (chi tiết trong *Phụ lục I*).

2. Kiến nghị Trường Đại học Hàng hải Việt Nam và đơn vị có chương trình đào tạo được đánh giá cần thực hiện 11 nhóm giải pháp để cải tiến chất lượng Chương trình đào tạo (chi tiết trong *Phụ lục II*).

3. Căn cứ Điều 23, Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cho Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam. *m*

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**



Đinh Văn Toàn
Đinh Văn Toàn

Phụ lục I
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHÍNH QUY TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH NGÔN NGỮ ANH CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM
(Kèm theo Nghị quyết số: 92/NQ-HĐKĐCL ngày 30 tháng 8 năm 2024
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn			Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt
Tiêu chuẩn 1					Tiêu chuẩn 7				
Tiêu chí 1.1	4	4.00	3	100%	Tiêu chí 7.1	4	4.00	5	100%
Tiêu chí 1.2	4				Tiêu chí 7.2	4			
Tiêu chí 1.3	4				Tiêu chí 7.3	4			
Tiêu chuẩn 2				Tiêu chí 7.4	4				
Tiêu chí 2.1	4	3.67	2	66.67%	Tiêu chí 7.5	4			
Tiêu chí 2.2	3				Tiêu chuẩn 8				
Tiêu chí 2.3	4				Tiêu chí 8.1	4	4.20	5	100%
Tiêu chuẩn 3				Tiêu chí 8.2	4				
Tiêu chí 3.1	4	3.67	2	66.67%	Tiêu chí 8.3	4			
Tiêu chí 3.2	3				Tiêu chí 8.4	4			
Tiêu chí 3.3	4				Tiêu chí 8.5	5			
Tiêu chuẩn 4				Tiêu chuẩn 9					
Tiêu chí 4.1	4	4.00	3	100%	Tiêu chí 9.1	5	4.20	5	100%
Tiêu chí 4.2	4				Tiêu chí 9.2	4			
Tiêu chí 4.3	4				Tiêu chí 9.3	4			
Tiêu chuẩn 5				Tiêu chí 9.4	4				
Tiêu chí 5.1	4	4.00	4	80%	Tiêu chí 9.5	4			
Tiêu chí 5.2	4				Tiêu chuẩn 10				
Tiêu chí 5.3	3				Tiêu chí 10.1	4	4.00	6	100%
Tiêu chí 5.4	4				Tiêu chí 10.2	4			
Tiêu chí 5.5	5				Tiêu chí 10.3	4			
Tiêu chuẩn 6				Tiêu chí 10.4	4				
Tiêu chí 6.1	4	4.00	7	100%	Tiêu chí 10.5	4			
Tiêu chí 6.2	4				Tiêu chí 10.6	4			
Tiêu chí 6.3	4				Tiêu chuẩn 11				
Tiêu chí 6.4	4				Tiêu chí 11.1	4	4.00	5	100%
Tiêu chí 6.5	4				Tiêu chí 11.2	4			
Tiêu chí 6.6	4				Tiêu chí 11.3	4			
Tiêu chí 6.7	4				Tiêu chí 11.4	4			
					Tiêu chí 11.5	4			
Đánh giá chung CTĐT		Số tiêu chí đạt			Tỉ lệ số tiêu chí đạt				
		47			94%				

Phụ lục II
CÁC KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG ĐỐI VỚI
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHÍNH QUY TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH NGÔN NGỮ ANH CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM
(Kèm theo Nghị quyết số: 92/NQ-HĐKĐCL ngày 30 tháng 8 năm 2024
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)

Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh (CTĐT) của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam đã được Nhà trường tự đánh giá và được Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đánh giá chất lượng. Kết quả đánh giá chất lượng đối với CTĐT giai đoạn 2019-2023 cho thấy có những điểm mạnh sau đây:

Mục tiêu của CTĐT phù hợp với mục tiêu giáo dục quy định tại Luật Giáo dục đại học, phù hợp sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường. Chuẩn đầu ra của CTĐT đáp ứng yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và mức tự chủ và trách nhiệm, được rà soát, điều chỉnh. Bản mô tả CTĐT và đề cương học phần có các nội dung, thông tin cốt lõi được phổ biến tới các bên liên quan. Chương trình dạy học được thiết kế tiếp cận theo CDIO có cấu trúc, trình tự logic và khoa học đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các học phần, kiến thức kỹ năng và được cập nhật đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động. Triết lý giáo dục của Nhà trường được xác định rõ ràng và được công bố chính thức. Hoạt động dạy học và các phương pháp dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra của CTĐT theo hướng dẫn của Nhà trường. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao được chú trọng; đội ngũ giảng viên cơ hữu thực hiện CTĐT và của Khoa phụ trách CTĐT có trình độ và năng lực chuyên môn đáp ứng tốt yêu cầu CTĐT. Đội ngũ nhân viên của Trường, của Khoa đáp ứng cả về số lượng và trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Hoạt động tư vấn học tập, tư vấn hỗ trợ người học tìm kiếm việc làm, hỗ trợ các hoạt động ngoại khóa của người học được triển khai có hiệu quả. Khuôn viên và cảnh quan sạch đẹp tạo thuận lợi cho hoạt động học tập và các hoạt động ngoại khóa. Hệ thống cơ sở vật chất, các dịch vụ, tiện ích được chú trọng đầu tư, phát triển; giảng đường và các phòng chức năng với trang thiết bị phù hợp đáp ứng tốt hoạt động đào tạo, nghiên cứu. Hệ thống khảo sát, cơ chế phản hồi của các bên liên quan được triển khai và vận hành đã góp phần cải tiến, nâng cao chất lượng CTĐT. Việc xác lập, giám sát các tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình, tình trạng việc làm và nghiên cứu khoa học của người học được quan tâm thực hiện; ý kiến của một số bên liên quan đã được tiếp thu để cải tiến trong các hoạt động. Tỷ lệ người học tốt nghiệp khá cao, tỷ lệ người học tốt nghiệp có việc làm ở mức rất cao; nhà sử dụng lao động hài lòng về năng lực ngoại ngữ, áp dụng kiến thức và tác phong, thái độ làm việc, khả năng học hỏi, cập nhật kiến thức của người học tốt nghiệp.

Tuy nhiên, CTĐT còn những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng (cụ thể chi tiết như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài). Trên cơ sở Hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại Phiên họp, Hội đồng kiến nghị Nhà trường và đơn vị có chương trình đào tạo được đánh giá cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo 11 nhóm giải pháp dưới đây:

1. Rà soát mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT để: làm rõ hơn mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể; bám sát hơn với sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường; phản ánh được định hướng đào tạo (nghiên cứu, ứng dụng hay nghề nghiệp) của CTĐT theo quy định. Nâng cao chất lượng

khảo sát nhà sử dụng lao động về chuẩn đầu ra của CTĐT thông qua nội dung, mục đích thu thập thông tin để cải tiến.

2. Rà soát bản mô tả CTĐT và các đề cương học phần để: thể hiện đầy đủ đặc điểm của các học phần, đầy đủ thông tin về số lượng tín chỉ tự chọn trong nhóm các học phần tự chọn, thông tin về các học phần đánh giá đạt chuẩn đầu ra trong Bản mô tả CTĐT; xác định rõ ràng hơn nữa các chuẩn đầu ra cốt lõi đóng góp vào việc đạt các mục tiêu của CTĐT; điều chỉnh ma trận mục tiêu - chuẩn đầu ra của CTĐT - chuẩn đầu ra của học phần để đảm bảo sự tương thích. Rà soát, phân bổ trọng số giờ học tập của sinh viên, đảm bảo thời gian học tại lớp, giờ học có hướng dẫn, thời gian tự học, nghiên cứu, trải nghiệm, kiểm tra đánh giá theo đúng quy định trong các đề cương học phần.

3. Bổ sung các nội dung gắn kết giữa chuẩn đầu ra với học phần trong chương trình dạy học theo định hướng phát huy năng lực nghề nghiệp của sinh viên theo định hướng của 2 chuyên ngành Ngôn ngữ Anh và Tiếng Anh thương mại. Bổ sung các nội dung về tổ hợp phương pháp giảng dạy, hoạt động học tập và loại hình, phương pháp kiểm tra đánh giá hướng tới việc đạt chuẩn đầu ra của CTĐT; rà soát các nội dung liên quan về đóng góp của học phần phù hợp với chuẩn đầu ra và các học phần có đóng góp cho chuẩn đầu ra.

4. Cập nhật các phương pháp và hoạt động dạy học tiên tiến phù hợp với triết lý giáo dục và đáp ứng mục tiêu, sứ mạng và tầm nhìn của Trường. Bổ sung thông tin/quy định về số giờ tự học trong đề cương chi tiết các học phần để thúc đẩy việc học tập suốt đời; bồi dưỡng giảng viên trong thực hiện và tăng cường sử dụng các phương pháp dạy học đặc thù và tiên tiến của dạy học ngoại ngữ, các phương pháp học tập qua trải nghiệm, lớp học đảo ngược, lồng ghép, mô phỏng tình huống. Mở rộng hơn các quan hệ hợp tác với các doanh nghiệp trong và ngoài nước tạo điều kiện cho người học thực tập, trải nghiệm và tăng cơ hội việc làm.

5. Rà soát, cập nhật quy định về tổ chức thi, chấm thi hết học phần và quy định về xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề/câu hỏi thi; đánh giá sự phù hợp của ngân hàng câu hỏi thi/đề thi của tất cả các học phần với thang đo năng lực; đánh giá tính hiệu quả các phương pháp kiểm tra đánh giá, kết quả học tập của người học và thực hiện phân tích câu hỏi thi, đề thi được áp dụng để đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy. Tăng cường quản lý, giám sát công tác chấm thi, đánh giá giữa kỳ, hậu kiểm, nhập và quản lý kết quả kiểm tra đánh giá.

6. Ban hành chính sách, cơ chế đặc thù để giữ chân và phát triển giảng viên đầu ngành cho CTĐT; đổi mới quản trị đội ngũ giảng viên theo tiếp cận năng lực: cụ thể hóa yêu cầu và mức năng lực theo từng vị trí giảng viên để đánh giá và đào tạo nâng cao năng lực; hoàn thiện công cụ, phương thức, bộ chỉ số KPIs để đánh giá giảng viên có ghi nhận hiệu quả đóng góp gắn với đãi ngộ để thúc đẩy đổi mới sáng tạo. Có hướng dẫn cụ thể về nhiệm vụ của giảng viên trong hoạt động phục vụ cộng đồng. Hoàn thiện đồng bộ chính sách, cơ chế đột phá để: xây dựng các nhóm nghiên cứu mạnh; khuyến khích thúc đẩy hợp tác nghiên cứu liên ngành và ứng dụng, chuyển giao để phát huy được tiềm năng nghiên cứu khoa học của giảng viên.

7. Quan tâm nhiều hơn đến việc quy hoạch, phát triển nguồn nhân lực cán bộ hỗ trợ với các mục tiêu, giải pháp, chính sách trong: tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng theo yêu cầu cụ thể vị trí việc làm; xây dựng kế hoạch dựa trên kết quả phân tích, dự báo nhu cầu về cả số lượng và năng lực cần có để đáp ứng yêu cầu giáo dục 4.0 về đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Rà

soát, hoàn chỉnh các tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ; thực hiện quản trị, đánh giá và đãi ngộ theo kết quả để tạo động lực cho nhân viên, người lao động.

8. Tiếp tục cải tiến để nâng cao chất lượng tuyển sinh thông qua: xây dựng các chính sách đặc biệt để thu hút thí sinh giỏi vào học; điều tra, phân tích và dự báo nhu cầu nhân lực của thị trường lao động; phân tích chi tiết dữ liệu kết quả tuyển sinh để có những điều chỉnh về chính sách, tiêu chí và phương thức tuyển chọn. Tăng cường vai trò cố vấn học tập; tăng hiệu quả giám sát kết quả học tập và rèn luyện của người học; tăng cường hoạt động tư vấn, hỗ trợ người học trong học tập và tìm kiếm việc làm; có giải pháp tư vấn hỗ trợ để tiếp tục giảm tỉ lệ người học bị cảnh báo học tập, tăng tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn. Xem xét có đơn vị đầu mỗi quản lý và tổ chức thực hiện công tác tư vấn tâm lý học đường và công tác hỗ trợ người học trong hoạt động khởi nghiệp, sáng tạo.

9. Xây dựng, ban hành tiêu chuẩn định mức sử dụng diện tích chuyên dùng và định mức sử dụng thiết bị để hỗ trợ công tác quản lý, khai thác hiệu quả cơ sở vật chất dùng chung; nâng cấp thư viện thông qua việc ứng dụng đồng bộ các giải pháp công nghệ mới trong quản lý vận hành, khai thác và phát triển thư viện số; chú trọng đầu tư liên kết thư viện số và cơ sở dữ liệu điện tử quốc tế; có biện pháp thúc đẩy giảng viên viết giáo trình, phát triển tài liệu nội sinh và bài giảng điện tử để khai thác hiệu quả trong dạy và học. Tiếp tục cải tiến, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin và các phần mềm quản lý đào tạo, dạy học trực tuyến; tăng cường tính đồng bộ, liên thông các phần mềm. Có lộ trình xúc tiến nhanh kế hoạch chuyển đổi số để đạt được tầm nhìn trở thành trường đại học thông minh và đổi mới sáng tạo. Tiếp tục tăng cường công tác đảm bảo an toàn phòng chống cháy nổ, thoát nạn và an ninh, an toàn trường học.

10. Tiếp tục tăng cường năng lực cho cán bộ, giảng viên về phát triển và thực hiện CTĐT dựa trên chuẩn đầu ra; thường xuyên thu thập đầy đủ nhu cầu của các bên liên quan, tham khảo các CTĐT tiên tiến, tham chiếu các căn cứ pháp lý và các định hướng kỹ năng cần thiết đối với yêu cầu vị trí việc làm tương lai của người học để tiếp tục rà soát, cập nhật CTĐT. Cải tiến việc rà soát, đánh giá quá trình dạy học, kiểm tra đánh giá và chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích; tiếp tục chuẩn hoá các công cụ khảo sát và triển khai đánh giá tác động, ảnh hưởng của CTĐT, của cựu người học để hoàn thiện chu trình cải tiến chất lượng liên tục đối với CTĐT.

11. Triển khai các giải pháp khắc phục các tồn tại, đặc biệt quan tâm các giải pháp giảm tỷ lệ thôi học, tăng tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn; tăng cường các hỗ trợ người học trong nghiên cứu khoa học, tự tạo việc làm, phát triển nghề nghiệp và tăng mức độ hài lòng của các bên liên quan đối với người học tốt nghiệp. Nghiên cứu điều chỉnh CTĐT phù hợp với thay đổi nhu cầu; xây dựng cơ sở dữ liệu tích hợp, liên thông và các phần mềm đồng bộ để theo dõi, cập nhật và truy xuất, xử lý các thông tin về CTĐT theo yêu cầu quản lý. Liên kết, hợp tác hiệu quả, sâu rộng với các bên liên quan, đặc biệt là các đơn vị sử dụng lao động, sử dụng sản phẩm nghiên cứu khoa học và áp dụng quản trị đại học tiên tiến để xây dựng, thực hiện, cải tiến và nâng cao chất lượng, kết quả CTĐT đáp ứng tốt hơn nhu cầu, yêu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

Trên đây là 11 nhóm giải pháp tổng hợp. Nhà trường, đơn vị có chương trình đào tạo được đánh giá cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài chương trình đào tạo của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài để có thêm những giải pháp chi tiết trong quá trình triển khai thực hiện. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng Chương trình đào tạo

THU

chính quy trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh gửi cơ quan quản lý trực tiếp, Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội.

